

Bản án số: 06/2019/DS-ST  
Ngày: 28/02/2019  
Về việc: “*tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và góp hụi*”

**NHÂN DA2H  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ
- Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Ông Mai Văn Hải
  2. Ông Nguyễn Văn Tiến
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Trường A2, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*2:

Anh Trương Thanh K, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre..

(Tất cả có mặt tại Tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2018, biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2018, biên bản hòa giải ngày 15/01/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Nguyên vào ngày 25/02/2017 (al), bà có làm chủ dây hụi 3.000.000đ, gồm 24 phần, mỗi tháng khui một lần, loại hụi có lãi, chị Lê Thị Trường A2 có tham gia 01 phần. Chị A2 tham gia góp được 01 lần hụi sống, đến tháng thứ hai là tháng 03/2017 (al) thì hốt hụi với số tiền 54.700.000đ (năm mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng). Sau khi hốt hụi, chị A2 có tham gia góp lại hụi chết được 6 lần, mỗi tháng góp 3.000.000đ, góp hết tháng 8/2017 thì không góp hụi cho bà nữa. Dây hụi này mãi ngày 25/12/2018 (al) nhưng đến nay chị A2 vẫn còn 16 lần không góp hụi cho bà nên dây hụi này chị A2 còn thiếu lại bà số tiền 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng). Đồng thời, ngày 10/6/2017 (al), bà cũng có làm chủ dây hụi 2.000.000đ, gồm 24 phần, mỗi tháng khui một lần, loại hụi có lãi, chị A2 tham gia 01 phần. Chị A2 tham gia và hốt hụi ngay ngày 10/6/2017, bà đã giao cho chị A2 số tiền hụi 34.270.000đ (ba mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng). Sau khi hốt hụi thì chị A2 góp lại hụi chết cho bà đến hết tháng 8/2017 thì không hốt nữa, dây hụi này hiện nay chưa mãn mà đến ngày 10/5/2019 (al) mới mãn hụi và tính đến ngày mãn hụi thì chị A2 còn thiếu lại bà 21 lần góp hụi, mỗi lần 2.000.000đ nên tính đến ngày mãn hụi thì chị A2 còn thiếu lại bà số tiền 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng); tổng cộng hai dây hụi là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Nhưng tính đến ngày nay thì chị A2 chỉ vi phạm đối với bà 17 lần góp hụi chết của dây hụi 2.000.000đ nên nếu tính đến ngày nay thì chị A2 còn thiếu lại bà số tiền hụi của hai dây hụi là 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng).

Ngày 10/5/2017 (al), chị A2 hỏi bà vay tiền nhưng bà không có tiền nên bà mới vay bà Nguyễn Thị Thu Hương số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để cho chị A2 vay số tiền 20.000.000đ, không có lập biên nhận, thời gian A2 trả nợ là 01 tháng, lãi suất cho vay thỏa thuận miệng là 4%/tháng, chị A2 đóng lãi cho bà được 01 tháng với số tiền lãi 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) thì không đóng lãi nữa và cũng không trả nợ vay cho bà.

Việc chị A2 vay tiền và chơi hụi với bà thì bà giao tiền hụi và tiền vay cho chị A2 chứ không có giao cho anh Trương Thanh K nhưng anh K cũng biết việc chơi hụi, vay tiền của chị A2 với bà. Chị A2 chơi hụi, vay tiền của bà để sử dụng vào mục đích gì thì bà không biết. Do anh K là chồng của chị A2, cùng ở chung nhà với chị A2, có lần bà giao tiền hụi cho chị A2 tại nhà chị A2 thì cũng có mặt anh K và anh K thấy việc giao tiền hụi nên bà yêu cầu chị A2 và anh K liên đới trả cho bà số tiền hụi 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), tiền nợ vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tiền lãi từ ngày 10/7/2017 âm lịch đến ngày nay và

tính tròn tháng chứ không tính các ngày lẻ với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Nếu có dư ngày thì bà không yêu cầu tính lãi của tháng dư ngày.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2019, biên bản hòa giải ngày 15/01/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị Trường A2 trình bày:*

Chị đồng ý lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu T đối với hai dây hụi mà chị tham gia chơi về loại hụi, thời gian góp hụi và số tiền hụi chị còn thiếu bà T là 90.000.000đ khi mãn hụi, nhưng hiện nay còn 4 tháng hụi chết của dây hụi 2.000.000đ chưa mãn. Chị xin qua tháng 01/2019 chị sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho bà T đến khi hết nợ. Đồng thời, chị cũng thừa nhận có vay của bà T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, thời gian vay thì chị không nhớ nhưng bắt đầu đóng lãi ngày 10/6/2017 (al) đến hết tháng 8/2017 thì không đóng nữa, chị đóng lãi được 2 tháng, mỗi tháng đóng 1.000.000đ nên tiền lãi đóng cho bà T là 2.000.000đ. Hiện nay chị cũng thừa nhận còn nợ tiền vay và nợ hụi của bà T với số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Chị vay tiền và chơi hụi với bà T thì chồng chị là anh Trương Thanh K không biết vì chị không có nói với anh K. Chị vay tiền và chơi hụi với bà T để sử dụng số tiền này để đóng lãi cho người khác chứ không có sắm gì cho gia đình. Chị và anh K cưới nhau năm nào thì chị không nhớ nhưng có đăng ký kết hôn. Chị không yêu cầu anh K cùng chị liên đới trả nợ vay, nợ hụi cho bà T vì số tiền này không có liên quan với anh K. Nếu trường hợp Tòa án tính lãi theo yêu cầu của bà T thì chị xin khấu trừ 2.000.000đ tiền lãi vào số tiền phải trả cho bà T theo quy định pháp luật.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2019, biên bản hòa giải ngày 15/01/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trương Thanh K trình bày:*

Việc vay tiền và chơi hụi giữa bà Nguyễn Thị Thu T với chị Lê Thị Trường A2 thì anh không biết và anh cũng không có sử dụng tiền của chị A2 tham gia chơi hụi, vay tiền của bà T. anh thừa nhận anh và chị A2 cưới nhau có đăng ký kết hôn nhưng anh không đồng ý cùng với chị A2 trả số nợ vay, tiền hụi cho bà T.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử, Thành viên Hội đồng xét xử là những người có tên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện được sự vô tư khách quan khi xét xử. Do đó, vụ án đưa ra xét xử là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu chị Lê Thị Trường A2 và anh Trương Thanh K phải trả số tiền nợ hụi 90.000.000đ, nợ vay 20.000.000đ và tính lãi từ ngày 10/7/2017 âm lịch đến ngày xét xử theo tháng tròn với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Từ các lời trình bày trên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và đề nghị của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện B nhận định.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu chị Lê Thị Trường A2 và anh Trương Thanh K liên đới trả số tiền hụi 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), tiền nợ vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tiền lãi từ ngày 10/7/2017 âm lịch đến ngày nay và tính tròn tháng chứ không tính các ngày lẻ với mức lãi suất theo quy định pháp luật; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà T và chị A2 đều thống nhất có việc tham gia góp hai dây hụi 3.000.000đ và 2.000.000đ, mỗi dây hụi đều có 24 phần và mỗi tháng góp một lần. Sau khi tham gia góp hụi thì chị A2 đã hốt hụi nhưng vi phạm việc góp lại hụi chết hàng tháng cho bà T, cụ thể dây hụi 3.000.000đ hiện đã mãn nhưng chị A2 còn 16 lần chưa góp hụi, mỗi lần góp 3.000.000đ nên chị A2 còn thiếu bà T số tiền hụi 48.000.000đ của dây hụi 3.000.000đ; đối với dây hụi 2.000.000đ thì chị A2 còn lại 21 lần chưa góp hụi nhưng dây hụi này chưa mãn mà đến ngày 10/5/2019 al (nhằm ngày 12/6/2019 dương lịch) mới mãn hụi nên hiện nay chị A2 chỉ vi phạm nghĩa vụ góp lại hụi chết cho bà T 17 lần, mỗi lần góp 2.000.000đ nên dây hụi 2.000.000đ thì tính đến ngày nay chị A2 chỉ còn nợ lại bà T số tiền hụi 34.000.000đ; Do đó, tổng cộng hai dây hụi tính đến ngày nay thì chị A2 chỉ vi phạm đối với bà T số tiền nợ hụi là 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng). Tính đến ngày 12/6/2019 thì chị A2 còn lại 4 lần chưa góp hụi cho bà T ở dây hụi 2.000.000đ nhưng dây hụi này chưa mãn nên chưa có căn cứ xác định chị A2 vi phạm nghĩa vụ góp lại hụi chết cho bà T ở 4 tháng hụi tiếp theo. Do đó, nếu chị A2 tiếp tục vi phạm nghĩa vụ góp lại hụi chết theo thỏa thuận cho bà T ở 4 lần góp hụi chết tiếp theo thì bà T được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2] Đồng thời, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị A2 thừa nhận có vay của bà T số tiền 20.000.000đ vào ngày 10/5/2017 (al) nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà T. Chị A2

cho rằng đã đóng lãi cho bà T số tiền lãi 2.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh và bà T cũng chỉ thừa nhận chị A2 có đóng lãi cho bà với số tiền lãi 800.000đ nên Hội đồng xét xử sẽ khấu trừ số tiền lãi 800.000đ mà chị A2 đóng cho bà T. Xét bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 10/7/2017 al (nhằm ngày 31/8/2017 dương lịch) đến ngày nay 28/02/2019 là 20 tháng với mức lãi suất theo quy định pháp luật; Hội đồng xét xử xét thấy bà T và chị A2 đều trình bày không thống nhất được mức lãi suất khi cho vay nên đề nghị của kiểm sát viên về mức lãi 0.83%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính từ ngày 31/8/2017 đến ngày 28/02/2019 ( $0.83\%/tháng \times 20.000.000đ \times 20$  tháng) theo quy định pháp luật là 3.320.000đ (Bệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, chị A2 đã đóng lãi 01 tháng (ngày 10/6/2017) được bà T thừa nhận với số tiền 800.000đ nhưng 01 tháng lãi mà chị A2 phải đóng theo mức lãi của pháp luật ( $0.83\%/tháng \times 20.000.000đ$ ) là 166.000đ nên phải khấu trừ số tiền lãi chị A2 đóng dư là 634.000đ vào số tiền lãi chị A2 còn thiếu bà T là 3.320.000đ nên chị A2 chỉ còn thiếu bà T số tiền lãi tính đến ngày nay là 2.686.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Do đó, số tiền vay và nợ lãi mà chị A2 còn thiếu bà T hiện nay là 22.686.000đ (hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu anh Trương Thanh K cùng chị A2 liên đới trả nợ vay, nợ hui là có cơ sở, bởi lẽ căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 11/01/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm thì chị A2 và anh K đều thống nhất từ khi cưới vẫn sống chung làm kinh tế chung mà chỉ ly thân cách nay 02 - 03 nhưng số nợ vay và nợ hui của chị A2 đối với bà T phát sinh từ năm 2017 là trong thời kỳ hôn nhân của chị A2 với anh K. Hơn nữa, chị A2 cũng cho rằng vay tiền và số tiền hui hót thì chị A2 chỉ sử dụng đóng lãi cho người khác cho các khoản vay trước đó nhằm lo cho con của anh chị. Đây là nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình và việc chị A2, anh K vi phạm nghĩa vụ góp hui, trả tiền vay cho bà T làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T nên căn cứ vào các Điều 463, 466, 469, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc anh K cùng chị A2 liên đới trả cho bà T số tiền hui 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng), nợ vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), nợ lãi 2.686.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng); tổng cộng là 104.686.000đ (một trăm lẻ bốn triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ( $104.686.000đ \times 5\%$ ) = 5.234.000đ (năm triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên chị A2 và anh K phải liên đới nộp theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 463, 466, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thi T. Buộc chị Lê Thị Trường A2 và anh Trương Thanh K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 104.686.000đ (một trăm lẻ bốn triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng), trong đó: nợ hui là 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng), nợ vay là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), nợ lãi là 2.686.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

2/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (104.686.000đ x 5%) là 5.234.000đ (năm triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn đồng). Buộc chị Lê Thị Trường A2 và anh Trương Thanh K có nghĩa vụ liên đới nộp.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (Bệu đồng) theo biên lai thu số 0022075 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Chí Vũ**

